

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 02 - 2026
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy T

Ông Đỗ M

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Linh Ch - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trần T - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1990;

ĐKHKTT: Tổ 6, khu 9, phường N, tỉnh P. Nơi ở hiện nay: Khu 12, phường V, tỉnh P. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1988;

ĐKHKTT: Tổ 6, khu 9, phường N, tỉnh P. (Hiện nay anh H đang ở Đài Loan). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh H có đăng ký kết hôn ngày 29/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống và do vợ chồng chị không có con chung nên càng bế tắc trong cuộc sống hôn nhân, ngoài ra vợ chồng chị cũng có khó khăn về kinh tế vì nợ nần nên tháng 01/2018 chồng chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó cho đến nay không về Việt Nam và cũng không quan tâm đến vợ. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin của anh Phạm Thanh H tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P và được cung cấp như sau: Anh Phạm Thanh H được cấp hộ chiếu số C4268195 ngày 19/12/2017, hạn đến 19/12/2027, xuất cảnh ngày 07/01/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, không có thông tin nhập cảnh.

Tòa án tiếp tục xác minh thông tin của anh Phạm Thanh H thông qua mẹ đẻ anh H là bà Nguyễn Thị Thái và trong bản tự khai ngày 10/12/2025 bà Thái cho biết: Anh H và chị P kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2018 anh H sang Đài Loan lao động từ đó cho đến nay chưa về Việt Nam lần nào. Vợ chồng anh H cũng không có con chung. Anh H thường xuyên gọi điện thoại qua Messger về thăm hỏi bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở bên Đài Loan. Tòa án yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của anh H thì bà không thể cung cấp ngay được, khi nào anh H gọi điện về thì bà sẽ hỏi cụ thể để thông tin lại cho Tòa án. Bà nhất trí nhận thay cho anh H các giấy tờ mà Tòa án gửi cho anh H và bà sẽ thông báo lại cho anh H biết.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2025, bà Nguyễn Thị Thái cho biết: Sau khi Tòa án báo bà đến để cung cấp địa chỉ của con trai bà là Phạm Thanh H hiện đang lao động tại Đài Loan trong vụ án ly hôn do chị Lê Thị P là nguyên đơn. Từ hôm ở Tòa án về anh H có gọi điện về nhà mấy lần thì bà có nói chuyện và thông báo cho anh H biết chị P đang làm đơn xin ly hôn thì anh H có nói lại là vợ chồng anh đến nay tình cảm cũng phai nhạt do thời gian xa cách đã lâu nên anh H nhất trí để Tòa án giải quyết ly hôn, còn về địa chỉ anh H không cung cấp cho bà biết vì lý do công việc đang ổn định, không muốn để anh hưởng. Anh H cũng nói với bà là anh không thể gửi giấy tờ gì về cho Tòa án. Anh H đồng ý để bà nhận thay các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do chị P có đơn từ chối hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn còn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình do vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Điều 4 Nghị quyết:

81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P. Xử cho chị Lê Thị P được ly hôn anh Phạm Thanh H.

- Về con chung: Chị Lê Thị P xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Thị P xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị P pH chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn chị Lê Thị P và bị đơn anh Phạm Thanh H. Anh H có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 6, khu 9, phường N, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - P là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

Bị đơn anh Phạm Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Phạm Thanh H là vợ chồng hợp pháp và có đăng ký kết hôn ngày 29/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P). Trong quá trình chung sống, theo như chị P trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống và vợ chồng cũng không có con chung nên càng bế tắc trong hôn nhân. Sau đó do kinh tế gặp nhiều khó khăn nên tháng 01/2018 anh H đi sang lao động tại Đài Loan nhưng từ ngày sang Đài Loan đến nay anh H cũng không về thăm gia đình lần nào và cũng không quan tâm đến chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Thanh H.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh được biết anh Phạm Thanh H đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 07/01/2018 và hiện nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Tòa án xác minh thông tin của anh H thông qua bà Nguyễn Thị Thái là mẹ đẻ của anh H và được bà Thái cho biết hiện nay anh H đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Vợ chồng anh H, chị P sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng không có con chung. Từ ngày sang Đài Loan

đến nay anh H cũng chưa về Việt Nam lần nào, anh H cũng xác định tình cảm phai nhạt do thời gian hai vợ chồng xa cách đã lâu nên nhất trí đề Tòa án giải quyết ly hôn, còn về địa chỉ do anh H không nói bà biết nên bà không cung cấp được cho Tòa án.

Từ lời trình bày của chị P và bà Thái thấy rằng: Chị P và anh H kết hôn từ ngày 29/9/2014 đến ngày 07/01/2018 anh H sang lao động tại Đài Loan. Trong thời gian hai vợ chồng chung sống với nhau hơn 03 năm cũng chưa có con chung, từ ngày anh H sang Đài Loan đến nay cũng chưa về thăm nhà lần nào. Hai vợ chồng khi còn chung sống đã có những mâu thuẫn, bất đồng cho đến khi sang H sang Đài Loan đến nay thì tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay, chị P và anh H mỗi người sống một nơi nên khoảng cách về địa lý càng làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị P, anh H đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh H là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị P trình bày vợ chồng chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù chị P trình bày không có nhưng do anh H vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của chị P và anh H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P pH chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P về việc “Ly hôn”.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị P được ly hôn anh Phạm Thanh H.
3. Về con chung: Chị Lê Thị P xác định không có con chung với anh Phạm Thanh H nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Thị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị P pH chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị P (do chị Nguyễn Thị Hồng Ngát nộp thay) đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005922 ngày 26/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh P.

6. Chị Lê Thị P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Phạm Thanh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - P;
- THADS tỉnh P;
- UBND P. N, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị H

